

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Số: 05/2022/DSST

Ngày: 27/4/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, TỈNH HƯNG YÊN.**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quang Lịch.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Hạnh và bà Nguyễn Thị H.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thu Giang - CBTA.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố H tham gia phiên tòa:* Bà Đào Ngọc Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự về việc “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thụ lý số: 44/2021/TLST - DS, ngày 07 tháng 12 năm 2021 và theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST – DS ngày 23/3/2022 và quyết định hoãn phiên Tòa số 04/2022/QĐHPT ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng S.

Trụ sở: Phường V, quận 3, TP Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D

- Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Mạnh C.

Chức vụ: Phó phòng giao dịch K – Chi nhánh Đ, TP Hà Nội.

- Có mặt tại phiên Tòa.

2. Bị đơn: Ông Lương Tuấn Đ, sinh năm 1983.

HKTT: Chung cư P, phường H, TP H, tỉnh Hưng Yên.

Hiện trú tại: Xã H, TP H, tỉnh Hưng Yên.

- Vắng mặt tại phiên Tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ do Ngân hàng S cung cấp và lời trình bày người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và lời trình bày của bị đơn ông Lương Tuấn Đ, cùng diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 31/07/2014, Ông Lương Tuấn Đ có ký với Ngân hàng S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng— các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Lương Tuấn Đ, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng 526830 – 2907 và 356481 - 4785 với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Ông Lương Tuấn Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 132.364.348 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Ông Lương Tuấn Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 129.886.911 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Ông Lương Tuấn Đ vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Ông Lương Tuấn Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Ông Lương Tuấn Đ cụ thể là thẻ tín dụng 526830 – 2907, thẻ tín dụng 356481 - 4785 ngày 05/11/2017 và chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn thiếu sang nợ quá hạn cụ thể: Kể từ ngày 05/11/2017, khoản nợ của ông Lương Tuấn Đ bắt đầu chuyển quá hạn, Nợ gốc tại thời điểm đó là 48.776.341 đồng, đến ngày 05/10/2020 ông Lương Tuấn Đ có thanh toán thêm 4.500.000 đồng tiền nợ gốc, vì vậy tổng số nợ gốc còn lại là 44.276.341 đồng tiền gốc. Lãi quá hạn:

Kể từ ngày 05/11/2017 khoản nợ gốc 44.276.341đ của ông Lương Tuấn Đ chuyển sang lãi quá hạn. Lãi quá hạn được tính như sau: Lãi quá hạn phát sinh trong kỳ = Dư nợ gốc còn lại x lãi suất (%/năm) x 150% x số ngày thực tế phát sinh quá hạn.

+ Cụ thể: Số tiền nợ gốc từ ngày 05/11/2017 đến 05/10/2020 là 48.776.341 đồng, từ ngày 05/10/2020 đến 27/04/2022 là 44.276.341 đồng.

+ Lãi suất áp dụng là 2.5%/tháng

+ Vì vậy, số tiền lãi quá hạn là: $(48.776.341 \text{ đồng} \times 2.5\%/\text{tháng} \times 150\% \times 1.095 \text{ ngày}/30) + (44.276.341 \text{ đồng} \times 2.5\%/\text{tháng} \times 150\% \times 569 \text{ ngày}/30) = 91.366.084 \text{ đồng}$. Như vậy hiện ông Lương Tuấn Đ còn nợ tổng số tiền là 135.642.425đ; trong đó nợ gốc 44.276.341đ, nợ quá hạn 91.366.084 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với Ông Lương Tuấn Đ yêu cầu Ông Lương Tuấn Đ có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để Ông Lương Tuấn Đ trả nợ, tuy nhiên Ông Lương Tuấn Đ vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Lương Tuấn Đ phải

trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử 27/4/2022 tổng số là 135.642.425đ (Trong đó nợ gốc 44.276.341đ, nợ quá hạn 91.366.084 đồng).

Ngoài ra buộc ông Lương Tuấn Đ phải trả khoản lãi phát sinh kể từ ngày 28/4/2022 (Sau ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi trả hết khoản nợ gốc đã vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

Bị đơn ông Lương Tuấn Đ trình bày: Ông có sử dụng thẻ tiêu dùng JCB cái được ngân hàng Sacombank chi nhánh phòng giao dịch Kim Liên cấp với hạn mức 50.000.000 VND. Ông đã chấp hành nghiêm chỉnh tất cả quy định của Ngân hàng khi sử dụng thẻ. Song trong hai năm qua công việc của ông gặp nhiều khó khăn và đặc biệt tình hình covid 19 đã khiến công việc và thu nhập của ông và gia đình bị ảnh hưởng nghiêm trọng, dẫn đến mất khả năng thanh toán khoản vay tiêu dùng tại thẻ JCB này. Ông làm đơn đề nghị Ngân hàng dẫn nợ và giảm nợ cho ông để ông có điều kiện thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm với khoản vay của thẻ JCB như sau: Bỏ toàn bộ khoản lãi quá hạn và khoản lãi phát sinh cho ông. Đối với khoản nợ gốc 44.276.341đ giảm cho ông một phần và số còn sau khi được giảm, cho ông được trả từng đợt trong 6 tháng.

Tại phiên Tòa hôm nay: Nguyên đơn Ngân hàng TCMCM Sài Gòn Thương Tín đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Mạnh C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án buộc ông Lương Tuấn Đ phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử 27/4/2022 là 135.642.425đ (Trong đó nợ gốc 44.276.341đ, nợ quá hạn 91.366.084 đồng).

Buộc ông Lương Tuấn Đ phải trả khoản lãi phát sinh kể từ ngày 28/4/2022 (Sau ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi trả hết khoản nợ gốc đã vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

Bị đơn ông Lương Tuấn Đ vắng mặt lần 2 không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên phát biểu quan điểm:

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng của thẩm phán và Nguyên đơn từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, đều thực hiện và chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa HĐXX và thư ký đã thực hiện và chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Bị đơn đã không thực hiện đúng quy định của Điều 72 BLTTDS, không có mặt để hòa giải và vắng mặt tại phiên Tòa. Nguyên đơn chưa chấp hành đúng quy định về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ. Sau khi VKS có yêu cầu xác minh thu thập chứng cứ, Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nhưng Nguyên đơn đã giao nộp tài liệu, chứng cứ muộn mà không có lý do chính đáng. Đồng thời nguyên đơn cũng không sao gửi tài liệu, chứng cứ đó cho bị đơn (hoặc thông báo bằng văn bản).

Nguyên đơn đã không thực hiện đúng quy định tại khoản 4, 5 Điều 96 BLTTDS. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên thấy đến nay vẫn chưa làm rõ việc Ngân hàng và ông Lương Tuấn Đ có thỏa thuận với nhau về nội dung lãi suất quá hạn, các loại phí bằng hình thức, văn bản nào? Đồng thời do ngân hàng chưa cung cấp các tài liệu thể hiện việc ông Lương Tuấn Đ thanh toán ngày nào để làm căn cứ tính phí trễ hạn và cách tính phí năm, phí vượt hạn mức. Do đó căn cứ điểm c khoản 1 Điều 259 BLTTDS đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ.

(Có bài phát biểu trong hồ sơ)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Xét đề nghị tạm ngừng phiên Tòa của Đại diện Viện kiểm sát với những nội dung chưa được làm rõ nêu ở trên. Hội đồng xét xử, xét thấy những nội dung nêu trên của Đại diện VKS đã được khắc phục và làm rõ tại phiên Tòa, do đó HĐXX tiếp tục tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung

- Xét yêu cầu của nguyên đơn: HĐXX căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và lời thừa nhận của bị đơn ông Lương Tuấn Đ có sử dụng thẻ tiêu dùng JCB cái được ngân hàng Sacombank chi nhánh phòng giao dịch Kim Liên cấp với hạn mức 50.000.000 VND. Ông đã chấp hành nghiêm chỉnh tất cả quy định của Ngân hàng khi sử dụng thẻ. Song trong hai năm qua công việc của ông gặp nhiều khó khăn và đặc biệt tình hình covid 19 đã khiến công việc và thu nhập của ông và gia đình bị ảnh hưởng nghiêm trọng, dẫn đến mất khả năng thanh toán khoản vay tiêu dùng tại thẻ JCB này. Ông làm đơn đề nghị Ngân hàng dẫn nợ và giảm nợ cho ông để ông có điều kiện thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm với khoản vay của thẻ JCB như sau: Bỏ toàn bộ khoản lãi quá hạn và khoản lãi phát sinh cho ông. Đối với khoản nợ gốc 44.276.341đ giảm cho ông một phần và số còn sau khi được giảm, cho ông được trả từng đợt trong 6 tháng. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên Tòa. Nên đã có cơ sở kết luận: Ngày 31/07/2014, Ông Lương Tuấn Đ có ký với Ngân hàng S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng— các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng 526830 – 2907 và 356481 - 4785 với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Ông Lương Tuấn Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 132.364.348 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Ông Lương Tuấn Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 129.886.911 đồng. Qua nhiều lần làm việc,

nhắc nhở nhưng Ông Lương Tuấn Đ vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Ông Lương Tuấn Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Ông Lương Tuấn Đ cụ thể là thẻ tín dụng 526830 – 2907, thẻ tín dụng 356481 - 4785 ngày 05/11/2017 và chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn thiếu sang nợ quá hạn cụ thể: Kể từ ngày 05/11/2017, khoản nợ của ông Lương Tuấn Đ bắt đầu chuyển quá hạn, Nợ gốc tại thời điểm đó là 48.776.341 đồng, đến ngày 05/10/2020 ông Lương Tuấn Đ có thanh toán thêm 4.500.000 đồng tiền nợ gốc, vì vậy tổng số nợ gốc còn lại là 44.276.341 đồng tiền gốc. Lãi quá hạn: Kể từ ngày 05/11/2017 khoản nợ gốc 44.276.341đ của ông Lương Tuấn Đ chuyển sang lãi quá hạn. Lãi quá hạn được tính như sau: Lãi quá hạn phát sinh trong kỳ = Dư nợ gốc còn lại x lãi suất (%/năm) x 150% x số ngày thực tế phát sinh quá hạn.

+ Cụ thể: Số tiền nợ gốc từ ngày 05/11/2017 đến 05/10/2020 là 48.776.341 đồng, từ ngày 05/10/2020 đến 27/04/2022 là 44.276.341 đồng.

+ Lãi suất áp dụng là 2.5%/tháng

+ Vì vậy, số tiền lãi quá hạn là: $(48.776.341 \text{ đồng} \times 2.5\%/\text{tháng} \times 150\% \times 1.095 \text{ ngày}/30) + (44.276.341 \text{ đồng} \times 2.5\%/\text{tháng} \times 150\% \times 569 \text{ ngày}/30) = 91.366.084 \text{ đồng}$. Như vậy hiện ông Lương Tuấn Đ còn nợ tổng số tiền là 135.642.425đ; trong đó nợ gốc 44.276.341đ, nợ quá hạn 91.366.084 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Lương Tuấn Đ phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử 27/4/2022 tổng số là 135.642.425đ (Trong đó nợ gốc 44.276.341đ, nợ quá hạn 91.366.084 đồng). Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S. Buộc ông Lương Tuấn Đ phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử 27/4/2022 tổng số là 135.642.425đ (Trong đó nợ gốc 44.276.341đ, nợ quá hạn 91.366.084 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Lương Tuấn Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Xét yêu cầu của ông Lương Tuấn Đ: Đề nghị Ngân hàng bỏ toàn bộ khoản lãi quá hạn và khoản lãi phát sinh cho ông và Đối với khoản nợ gốc 44.276.341đ giảm cho ông một phần và số còn sau khi được giảm, cho ông được

trả từng đợt trong 6 tháng. Ngân hàng không đồng ý với yêu cầu này của ông Lương Tuấn Đ. Do đó hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận.

- **Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S được chấp nhận, nên không phải chịu án phí, cần trả lại cho Ngân hàng S tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Buộc ông Lương Tuấn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau:
 $135.642.425đ \times 5\% = 6.782.121đ.$

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 275, Điều 280, Điều 463, Điều 465, Điều 466; 468 - BLDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S. Buộc ông Lương Tuấn Đ phải trả cho Ngân hàng S 135.642.425đ (Trong đó nợ gốc 44.276.341đ, nợ quá hạn 91.366.084 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Lương Tuấn Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

- Về án phí:

Hoàn trả lại cho Ngân hàng S 3.000.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001088 ngày 07/12/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Hưng Yên.

+ Buộc ông Lương Tuấn Đ phải chịu 6.782.121 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Cường có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Lương Tuấn Đ vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại UBND nơi thường trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra & THA - TAND tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục thi hành án dân sự TP H;
- Lưu hồ sơ;

(Đã ký)

Đỗ Quang Lịch